|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  \* Ví dụ 1/ tr30  a)  - Thôi đừng lo lắng.  ⭢ Khuyên bảo  - Cứ về đi.  ⭢ Yêu cầu  b)  - Đi thôi con.  ⭢ Yêu cầu  → Câu cầu khiến  \* Ví dụ 2/ tr30, 31  - Mở cửa!  a) Câu trần thuật  b) Câu cầu khiến (có ngữ điệu cầu khiến). | **II. Bài học**  **\* Thế nào là câu cầu khiến?**  - Là câu có những từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ… đi, thôi, nào… hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo…  - Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh có thể kết thúc bằng dấu chấm. |
| **III. Luyện tập**  Bài tập 1, 2, 3, 4, 5 / SGK  **IV. Dặn dò**  - Học Ghi nhớ  - Chuẩn bị bài “Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh” | |

**CÂU CẦU KHIẾN**

**THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh:

**1. Nhận xét văn bản “**Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn”.

- Cung cấp những thông tin về lịch sử, địa lý của hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn.

- Bố cục bài viết chưa hợp lý.

- Nội dung bài thuyết minh còn thiếu:

+ Vị trí của Hồ, Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc.

+ Đặc điểm của hồ (rộng, sâu…)

+ Đặc điểm của đền Ngọc Sơn.

+ Miêu tả quang cảnh xung quanh

**2. Ghi nhớ:** SGK/34

**II.** **Luyện tập**

Lập lại bố cục bài giới thiệu “Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn” cho hợp lý.

**III. Dặn dò**

- Xem kỹ lại bài

- Soạn bài “Ôn tập về văn thuyết minh”.

**ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN** **THUYẾT MINH**

**I. Ôn tập lí thuyết**

1. Khái niệm

2. Phương pháp thuyết minh.

3. Các kiểu văn bản thuyết minh

4. Các bước xây dựng văn bản thuyết minh

- Học tâp, nghiên cứu tích lũy tri thức

- Tìm ý, lập dàn ý

- Viết bài,

- Sửa chữa

**II.Luyện tập:**

Lập dàn ý đề bài: Giới thiệu 1 đồ dùng học tập.

**III. Dặn dò**

- Xem lại bài.

- Chuẩn bị bài “Ngắm trăng - Đi đường”

**NGẮM TRĂNG - ĐI DƯỜNG**

**(Hồ Chí Minh)**

**I. Đọc và tìm hiểu chú thích**

**1. Tác giả:** Hồ Chí Minh (SGK)

**2. Tác phẩm**

**a. Thể loại:** thơ thất ngôn tứ tuyệt.

**b. Xuất xứ - hoàn cảnh sáng tác***: Nhật kí trong tù* ra đời khi Bác bị giam cầm ở Quảng Tây (Trung Quốc).

**c.** **Đại ý:** niềm khao khát tự do và tinh thần lạc quan cách mạng của Bác.

**d. Bố cục**: 2 phần

**II. Đọc và tìm hiểu văn bản**

**1. Bài thơ “Ngắn trăng”**

**a. Tâm hồn nghệ sĩ trước cảnh trăng đẹp.**

- Trong tù không rượu cũng không hoa

→ Nghệ thuật điệp từ, liệt kê

→ Hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ

→ Rung cảm mãnh liệt trước cái đẹp.

⭢ Tâm hồn của một nghệ sĩ lớn.

**b. Sự giao cảm của người tù thi sĩ và vầng trăng.**

- Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

→ Nghệ thuật đối, nhân hóa

→ Trăng và người trở thành tri âm, tri kỷ.

**2. Bài thơ “Đi đường”**

**a. Hai câu đầu**: Nỗi gian lao

- Quy luật: “Tẩu lộ nan”

- Thử thách: trùng san hựu trùng san”.

=> Câu thơ trở thành một suy ngẫm về sự thử thách, về quy luật phát triển.

**b. Hai câu cuối**:

- Mục đích: “đăng đáo cao phong”.

- Kết quả: “Vạn lý dư đồ cố miện gian”.

- Triết lý cuộc sống: có hoài bão lớn – nắm được quy luật – có mục đích – thu được kết quả cao.

⭢ Câu thơ diễn tả niềm vui sướng tột cùng .

**III. Ghi nhớ SGK**

**IV. Luyện tập**

- Đọc diễn cảm bài thơ

**IV. Dặn dò**

- Học thuộc bài thơ

- Xem kỹ bài ghi

- Chuẩn bị bài “Câu cảm thán”

**CÂU CẢM THÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| I. Tìm hiểu bài  \* Ví dụ  - Hỡi ơi Lão Hạc!  - Than ôi!  ⭢ Kết thúc câu bằng dấu chấm than  ⭢ Bộc lộ trực tiếp cảm xúc bằng từ ngữ cảm thán  ⭢ Câu cảm thán | **II. Bài học**  **\* Thế nào là câu cảm thán?**  - Là câu có những từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ơi, ôi, trời ơi, thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào,…  - Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói.  - Xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.  - Khi viết, thường kết thcú bằng dấu chấm than |
| **III. Luyện tập**  Bài tập1, 2, 3, 4/ SGK  **IV. Dặn dò**  - Học bài  - Chuẩn bị bài “Câu trần thuật” | |

**CÂU TRẦN THUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **\* Ví dụ**  a.  Câu 1: trình bày  Câu 2: kể  Câu 3: yêu cầu  b.  Câu 1: kể  Câu 2: thông báo  c.  Câu 1, 2: miêu tả  d.  Câu 2: nhận định  Câu 3: bộc lộ cảm xúc, tình cảm  ⭢ Câu trần thuật | **II. Bài học**  **\* Đặc điểm câu trần thuật**  \* Hình thức:  + Không có hình thức của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  + Kết thúc câu chủ yếu là dấu chấm, có khi bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.  \* Chức năng:  + Kể, thông báo, nhận định, miêu tả.  + Yêu cầu, đề nghị, bộc lộ cảm xúc.  \* Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp. |
| **III. Luyện tập**  **Bài tập** 1, 2, 3, 4, 5, 6/ SGK  **IV. Dặn dò**  - Về học bài  - Chuẩn bị bài “Chiếu dời đô” | |